

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng
xe taxi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2025
và định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lập thẩm định phê duyệt, điều chỉnh, công bố quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang, giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang thông qua Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 35/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 02 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển:

- Phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh.

- Phát triển mạng lưới vận tải hành khách bằng xe taxi đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân địa phương và khách du lịch, đảm bảo an toàn, thuận lợi và có chi phí hợp lý. Ưu tiên phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi tại các đô thị, các đầu mối giao thông như: Bến xe, bến tàu, sân bay,...

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả khai thác của mạng lưới vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh; tăng cường kết nối với các phương thức vận tải hành khách khác.

- Đảm bảo phát triển hợp lý về số lượng phương tiện, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong tỉnh và khách du lịch với mức độ tin cậy cao, chất lượng phục vụ ở mức độ tốt nhất từng bước thay thế các phương tiện cá nhân khác; đảm bảo các quy định liên quan đến môi trường.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang về số lượng phương tiện, chất lượng dịch vụ, phạm vi hoạt động, quản lý bến bãi, phối hợp với mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các quy hoạch phát triển khác trên địa bàn nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong tỉnh và khách du lịch, đồng thời đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của quá trình đô thị.

- Tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia; hình thành thị trường vận tải hành khách bằng xe taxi có tính cạnh tranh cao, lành mạnh, hiệu quả, góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. Xác định được đầy đủ và kịp thời số lượng phương tiện; chất lượng dịch vụ; đề xuất các mô hình, phương pháp tính giá cước, cách điều hành phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Quy hoạch phát triển số lượng xe taxi, tỷ lệ đảm nhận của xe taxi trong hệ thống vận tải trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hàng năm và trong giai đoạn phát triển.

- Quy hoạch mạng lưới bến bãi, các điểm đỗ đón khách của xe taxi và các điểm tập kết xe trong thời gian không vận doanh và cung ứng dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi.

- Xác định quỹ đất dành cho bến bãi, các công trình thiết yếu phục vụ cho hoạt động của xe taxi.

III. Quy hoạch phát triển:

1. Quy hoạch phát triển xe taxi:

1.1. Dự báo nhu cầu vận chuyển hành khách bằng xe taxi:

Theo khảo sát và phân tích, lượng hành khách vận chuyển trung bình hàng ngày ở thời điểm năm 2016 là 6.200 lượt hành khách/ngày.

Dự báo nhu cầu đi lại bằng xe taxi như sau: Tổng nhu cầu đến năm 2025 là 13.830 lượt/ngày (trong đó: Khu vực đất liền 6.970 lượt/ngày; khu vực đảo 6.860 lượt/ngày); tổng nhu cầu đến năm 2030 là 22.590 lượt/ngày (trong đó: Khu vực đất liền 11.380 lượt/ngày; khu vực đảo 11.210 lượt/ngày). Cơ sở phát triển giai đoạn 2016-2025 đáp ứng từ 0,5% đến 2,0% tổng nhu cầu đi lại; giai đoạn 2026-2030 đáp ứng từ 2,0% đến 4,0% tổng nhu cầu đi lại. Cơ sở phát triển giai đoạn 2016-2025 đáp ứng từ 0,5% đến 2,0% tổng nhu cầu đi lại; giai đoạn 2026-2030 đáp ứng từ 2,0% đến 4,0% tổng nhu cầu đi lại.

1.2. Quy hoạch phát triển xe taxi và nhiên liệu, tiêu chuẩn môi trường đối với xe taxi:

a) Quy hoạch phát triển đoàn phương tiện giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030

- Tỷ lệ xe taxi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (xe/1000 dân):

| STT | Khu vực nghiên cứu | Taxi (xe/1000 dân) | | |
|------------------|--------------------|--------------------|------|-------|
| | | 2016 | 2025 | 2030 |
| 1 | Khu vực đất liền | 0,18 | 0,52 | 0,64 |
| 2 | Khu vực đảo | 6,18 | 8,52 | 10,62 |
| Toàn tỉnh | | 0,52 | 1 | 1,2 |

- Quy hoạch số lượng xe taxi tỉnh Kiên Giang:

| STT | Khu vực nghiên cứu | Lượng xe taxi | | |
|-------------|--------------------|---------------|--------------|--------------|
| | | 2016 | 2025 | 2030 |
| 1 | Khu vực đất liền | 344 | 1.161 | 1.626 |
| 2 | Khu vực đảo | 610 | 1.144 | 1.602 |
| Tổng | | 954 | 2.305 | 3.228 |

Ngoài số lượng xe taxi được quy hoạch trên, với nhu cầu hiện đại hóa hệ thống giao thông và dịch vụ vận chuyển hành khách và khuyến khích dịch vụ xe taxi hiện đại theo quy định của Chính phủ và lượng xe taxi sẽ được điều chỉnh cho từng giai đoạn không quá 10% để tạo sự cạnh tranh, phục vụ tốt hơn nhu

cầu đi lại của nhân dân trong tỉnh và khách du lịch, góp phần giảm giá thành cho người sử dụng.

b) Khuyến khích, vận động sử dụng nhiên liệu sạch, hạn chế ô nhiễm môi trường:

Quy hoạch giai đoạn từ 2016-2025 định hướng đạt 25% xe sử dụng nhiên liệu sạch. Đến giai đoạn 2026-2030 định hướng đạt 30%-50% phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch trong cơ cấu đoàn xe hoạt động. Xây dựng kế hoạch và lộ trình này đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải xe taxi nhằm đảm bảo được thực hiện.

2. Quy hoạch điểm đỗ xe taxi:

Quy hoạch vị trí điểm đỗ giai đoạn 2016-2025 tối thiểu tại đầu mỗi giao thông, các khu du lịch và khu, cụm công nghiệp, các bệnh viện, trung tâm thương mại, nơi công cộng. Giai đoạn 2026-2030 định hướng vị trí điểm đỗ xe taxi sẽ được điều chỉnh tăng không quá 10%.

2.1. Điểm đỗ tại đầu mỗi giao thông:

- Điểm đỗ tại các bến xe:

+ Đối với các bến xe lớn và trung bình (loại 1, loại 2 và loại 3): Số vị trí đón khách và trả khách tối thiểu 20 vị trí.

+ Đối với các bến xe nhỏ (loại 4, loại 5 và loại 6): Số vị trí đón khách và trả khách tối thiểu 3 vị trí.

- Điểm đỗ tại các bến tàu khách:

+ Cảng biển: Số vị trí đón khách và trả khách tối thiểu 15 vị trí.

+ Cảng thủy nội địa: Số vị trí đón khách và trả khách tối thiểu 10 vị trí.

+ Bến thủy nội địa: Số vị trí đón khách và trả khách tối thiểu 03 vị trí.

- Điểm đỗ tại cảng hàng không:

+ Cảng Hàng không Rạch Giá: Số vị trí đón khách và trả khách tối thiểu 20 vị trí.

+ Cảng Hàng không quốc tế Phú Quốc: Số vị trí đón khách và trả khách tối thiểu 30 vị trí.

2.2. Điểm đỗ xe taxi tại các khu du lịch và khu, cụm công nghiệp:

Số vị trí đỗ cho xe taxi ở khu du lịch từ 05 đến 25 vị trí tùy thuộc vào quy mô và lượng khách du lịch. Dự kiến tổng số các điểm đỗ xe taxi tại các điểm du lịch là 262 vị trí.

Khu vực dừng đỗ cho xe taxi tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, dành lại một phần diện tích đất trong tổng số diện tích được cấp phép (ở ngoài hàng rào quản lý nội bộ của các khu, cụm công nghiệp) cho đỗ xe taxi. Số vị trí đỗ cho xe taxi tối thiểu ở cụm công nghiệp là 02 vị trí và ở khu công nghiệp là 10 vị trí.

2.3. Điểm đỗ xe taxi tại các bệnh viện, trung tâm thương mại, nơi công cộng (quảng trường, công viên...):

Số vị trí đỗ cho xe taxi từ 05 đến 25 vị trí tùy thuộc vào quy mô các bệnh viện, trung tâm thương mại, nơi công cộng.

2.4. Điểm tập kết xe taxi, gara:

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Quy hoạch quy mô khu vực tập kết xe taxi:

| TT | Mục | 2020 | 2025 | 2030 |
|----|---|-------|-------|-------|
| 1 | Số xe taxi cơ bản (xe) | 1.980 | 2.305 | 3.228 |
| 2 | Quy mô điểm tập kết phương tiện (số vị trí) | 990 | 1.153 | 1.614 |

3. Vốn đầu tư phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi:

Để hoàn thành xây dựng hệ thống vận tải hành khách bằng xe taxi theo đúng quy hoạch ước tính cần khoảng 1.379,55 tỷ đồng, cụ thể nhu cầu vốn đầu tư như sau:

- Giai đoạn 2016 – 2025: 690,6 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026 – 2030: 688,9 tỷ đồng.

Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn đầu tư hệ thống vận tải hành khách bằng xe taxi bằng nguồn vốn của doanh nghiệp.

IV. Giải pháp thực hiện quy hoạch:

1. Giải pháp tổ chức và quản lý nhà nước:

a) Hệ thống thể chế quản lý vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh:

- Quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe taxi.

- Xây dựng chế độ thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với hoạt động bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

b) Quản lý phát triển đối với vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Áp dụng đầy đủ các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thị trường vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi theo quy hoạch được phê duyệt, phù hợp với điều kiện của tỉnh và các quy định chung.

- Đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh, xử lý theo quy định của pháp luật đối với tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân.

- Có cơ chế xử lý thông tin phản hồi của hành khách nhanh và hiệu quả.

c) Giải pháp hỗ trợ thực hiện:

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về vận tải bằng xe taxi. Duy trì chế độ báo cáo, thông tin thường xuyên giữa các cơ quan quản lý vận tải bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về toàn bộ hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi của Kiên Giang; áp dụng công nghệ thông tin trong việc kết nối, khai thác sử dụng các dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.

- Xây dựng hệ dữ liệu thu nhận thông tin phản hồi và công bố công khai thông tin phản hồi về dịch vụ xe taxi theo định kỳ hàng năm. Thông tin công khai về chất lượng dịch vụ xe taxi trên địa bàn tỉnh và thiết lập hệ thống thông tin phản hồi.

- Tăng cường kiểm tra và hậu kiểm chặt chẽ các điều kiện kinh doanh bằng xe taxi. Và kiểm soát chặt chẽ hoạt động xe taxi dù, xe hợp đồng lợi dụng chính sách để tham gia kinh doanh bằng xe taxi nhằm thiết lập thị trường cạnh tranh bình đẳng.

2. Giải pháp tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng đối với đơn vị tham gia:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi (nếu có).

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được thuê, mua đất dài hạn sử dụng vào mục đích làm bãi đỗ xe, trụ sở.

- Khuyến khích các đơn vị xây dựng thương hiệu doanh nghiệp theo hướng An toàn - Văn minh - Lịch sự.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới phương tiện vận tải theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng quản lý điều hành vận tải, giảm chi phí, xây dựng mức giá cước hợp lý.

3. Giải pháp quản lý an toàn giao thông vận tải:

- Thường xuyên quán triệt và thực hiện quyết liệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Trong đó, cần chú trọng đến giải pháp quản lý Nhà nước về trật tự an toàn giao thông trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng xe taxi. Kiểm soát và xử lý nghiêm tình trạng lái xe taxi chạy quá tốc độ, tranh giành khách, đón trả khách, đậu đỗ xe không đúng quy định gây mất trật tự an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

- Xây dựng các điểm đỗ xe taxi trong thành phố Rạch Giá, thị xã Hà Tiên, huyện Phú Quốc, trung tâm hành chính các huyện hợp lý, tạo điều kiện cho xe taxi đậu đỗ đúng quy định, tránh tình trạng ách tắc giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông, mỹ quan đô thị.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận theo dõi, quản lý các điều kiện về an toàn giao thông tại các đơn vị kinh doanh vận tải.

4. Giải pháp về phát triển kết cấu hạ tầng đậu đỗ cho vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Trong phương án quy hoạch, đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh phải xem xét tới việc tích hợp khu vực đậu xe taxi.

- Quy hoạch bãi đỗ xe tỉnh tại các khu vực cần phải xem xét tới nhu cầu đỗ xe taxi. Đặc biệt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh và các khu di tích lịch sử.

- Nghiên cứu quy định các điểm đỗ xe taxi trên đường phải đặt ở vị trí đủ rộng đảm bảo không ảnh hưởng đến dòng giao thông trên đường và được kẻ vạch sơn giới hạn rõ ràng.

5. Giải pháp tăng cường, nâng cao chất lượng dịch vụ:

- Thực hiện việc lựa chọn đơn vị tham gia khai thác căn cứ vào chất lượng, quy mô đơn vị vận tải và lưu lượng vận tải hành khách.

- Nghiên cứu ban hành quy định về xếp loại đơn vị kinh doanh vận tải và quy định phạm vi hoạt động đối với từng loại đơn vị để hạn chế và loại bỏ dần các đơn vị yếu kém, chất lượng dịch vụ thấp.

- Khuyến khích đơn vị kinh doanh vận tải công khai các chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ và thiết lập hệ thống thông tin phản hồi giữa cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch:

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan:

- Tổ chức công bố quy hoạch và thông tin tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Công bố, niêm yết công khai quy hoạch trên trang thông tin điện tử để các đơn vị kinh doanh vận tải biết và thực hiện.

- Chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt định hướng phát triển, giải pháp quy hoạch và quản lý quy hoạch giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến 2030.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quản lý quy hoạch. Rà soát các quy hoạch giao thông liên quan đảm bảo không gây cản trở, ảnh hưởng, đề xuất giải pháp xử lý cho phù hợp với quy hoạch này.

+ Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để đề xuất giải pháp, chính sách thu hút, khuyến khích các nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch.

2. Công an tỉnh: Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông và lực lượng Cảnh sát khác tổ chức tuần tra, kiểm soát nhằm giữ gìn trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo các cơ quan chức năng quán triệt và thực hiện quy hoạch. Phối hợp với Sở Giao thông vận

tải trong quản lý, giám sát hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn quản lý.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan: Căn cứ theo chức năng quản lý nhà nước, tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành phù hợp với quy hoạch vận tải hành khách bằng xe taxi được phê duyệt.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, nếu có khó khăn vướng mắc thì các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo và đề xuất trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Công an tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Đan*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải (10b);
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, thuy (03b).



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Anh Nhịn